

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/LĐ-PT
Ngày 11-9-2017
V/v tranh chấp chi phí đào tạo
trong hợp đồng đào tạo nghề

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Quý

Bà Bùi Kim Rết

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Đỗ Thị Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 08 và 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2017/TLPT-LĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 về “tranh chấp chi phí đào tạo trong hợp đồng đào tạo nghề”.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 09/2017/LĐ-ST ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2017/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 43/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1994; cư trú tại: khu phố C, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1976; cư trú tại: phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Ngọc H – Giám đốc Trung tâm tư vấn pháp luật M.

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn E; địa chỉ tại: khu công nghiệp G, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông I – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1968; cư trú tại: Tổ K, khu phố D, phường X, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 01/4/2016).

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1987; cư trú tại: Xã P, huyện Q, tỉnh An Giang.

2. Bà Nguyễn Kiều O, sinh năm 1974; cư trú tại: Thị trấn R, huyện S, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn E.

(Bà Y có mặt; bà N, bà A, ông H, ông T và bà O có mặt khi xét xử và vắng mặt không có lý do khi tuyên án)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Y trình bày:

Bà Nguyễn Thị N (sau đây gọi tắt là bà N) làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn E (sau đây gọi tắt là Công ty E) từ ngày 17/02/2012 theo hợp đồng lao động xác định thời hạn, sau đó bà N và Công ty E ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn, công việc làm là công nhân may, mức lương 3.486.000đ/tháng.

Ngày 05/02/2013, bà N và Công ty E ký hợp đồng lao động đưa bà N đi tu nghiệp kỹ thuật kinh nghiệm sản xuất với thời gian là 01 năm tại Công ty U (tại Nhật) nhưng Công ty E không giao cho bà N 01 bản hợp đồng đã ký. Theo nội dung hợp đồng, sau khi về nước bà N phải làm việc tại Công ty E thời hạn là 10 năm và Công ty E sẽ chịu toàn bộ chi phí cho bà N gồm: hộ chiếu, visa, vé máy bay khứ hồi, nhà ở, điện, nước, gas, tiền học phí, phí giao thông. Tuy nhiên, Công ty E không thực hiện đúng cam kết mà khi làm việc tại Công ty U, hàng tháng bà N bị trừ tiền nhà ở, điện, nước, gas mỗi tháng 40.000 Yên, tổng cộng 12 tháng là 480.000 Yên (theo tỷ giá tiền Việt Nam là 85.000.000đ).

Do không hiểu biết quy định của pháp luật lao động và không được Công ty E giao hợp đồng lao động, nên đến ngày 31/7/2015, khi biết Công ty E hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu T (sau đây gọi tắt là ông T) số tiền 85.000.000đ, bà N mới phát hiện quyền lợi của mình bị xâm phạm. Bà N đã yêu cầu Công ty E thanh toán tiền nhà ở, điện, nước, gas mỗi tháng 40.000 Yên nhưng không được chấp nhận và bà N yêu cầu hòa giải viên lao động tiến hành hòa giải nhưng hòa giải không thành.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty E phải trả các khoản tiền nhà ở, điện, nước, gas mỗi tháng 40.000 Yên, tổng cộng 12 tháng là 480.000 Yên (tỷ giá tiền Việt Nam là 85.000.000đ).

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị A là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Công ty E nhất trí với nội dung trình bày của bà N về việc ký kết hợp đồng lao động, nội dung hợp đồng và quá trình thực hiện.

Vào ngày 05/02/2013, Công ty E và bà N ký hợp đồng lao động (thực tế là hợp đồng đào tạo nâng cao tay nghề) cho bà N sang Công ty U (tại Nhật) để đào tạo với thời hạn là 01 năm, mọi chi phí gồm hộ chiếu, visa, vé máy bay khứ hồi, nhà ở, điện, nước, gas, tiền học phí, phí giao thông do Công ty U chi trả. Ngày 04/02/2014, bà N về nước và không có yêu cầu hay thắc mắc gì với Công ty E về các khoản chi phí đào tạo nêu trên. Tuy nhiên sau đó vào ngày 31/7/2015, khi Công ty E giải quyết vụ việc của ông T thì bà N cho rằng do bà không hiểu biết quy định pháp luật lao động, không được Công ty E cung cấp hợp đồng nên bà không biết được quyền lợi bị xâm phạm cho nên yêu cầu giải quyết và sau đó khởi kiện. Theo Công ty E, yêu cầu của bà N là không có cơ sở vì mỗi năm, Công ty U đều có quy định chế độ đào tạo khác nhau, tùy thuộc vào tình hình thực tế đào tạo và nhu cầu kinh doanh, nên không thể áp dụng chế độ kinh phí khóa học 2014-2015 của ông T được đưa đi đào tạo để giải quyết cho khóa học của bà N. Mặt khác, nếu theo bà N trình bày trong hợp đồng có ghi rõ mọi chi phí đào tạo là do Công ty E chi trả, thì sau khi kết thúc khóa học, bà N lại không cung cấp hóa đơn chứng từ để yêu cầu Công ty E thanh toán các khoản tiền bà N đã tự chi trả trong 01 năm, hơn nữa thời hiệu khởi kiện đã hết. Do đó, Công ty E không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N, đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người làm chứng ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Việc tu nghiệp kỹ thuật tại Công ty U (tại Nhật), giữa ông và Công ty E có ký 02 bản hợp đồng lao động và Công ty E không giao hợp đồng cho ông. Sau khi về nước, ông yêu cầu Công ty E giao hợp đồng thì nhân viên văn phòng Công ty E mới giao lại cho ông một bản. Ông được biết bà N cũng ký hợp đồng như ông khi đi tu nghiệp tại Nhật nhưng không được Công ty E giao hợp đồng.

Khi làm việc tại Nhật, ông và bà N được Công ty U cung cấp bảng lương bằng tiếng Nhật không có dấu mộc của Công ty U như ông đã cung cấp cho Tòa án.

Ông và một số công nhân khác phát hiện Công ty E không thực hiện đúng nội dung theo hợp đồng đã ký kết, bị Công ty U trừ tiền nhà ở, điện, nước, gas mỗi tháng 40.000 Yên, tổng cộng 480.000 Yên. Sau khi về nước, ông và một số người lao động khác đã yêu cầu Công ty E giải quyết và đã được Công ty E hoàn trả số tiền 85.000.000đ nhưng buộc ông phải làm đơn xin thôi việc vào ngày 31/7/2015. Ông và những người lao động này đã đồng ý. Sự việc trên có chứng kiến của Luật sư Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Kiều O là Chủ tịch Công đoàn Công ty E.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người làm chứng bà Nguyễn Kiều O trình bày:

Bà là Chủ tịch Công đoàn Công ty E từ năm 2013 đến năm 2016. Bà đi tu nghiệp kỹ thuật tại Công ty U (tại Nhật) trước ông T và bà N. Bà và Công ty E

cũng ký kết hợp đồng có các điều khoản như hợp đồng ông T cung cấp, chỉ khác tên người lao động nhưng không được Công ty E giao hợp đồng.

Bảng lương hàng tháng không đóng dấu mộc do bà N và ông T cung cấp trong hồ sơ vụ án cũng là bảng lương bà được nhận khi đi tu nghiệp bên Nhật nên lời trình bày của bà N và ông T là đúng. Khi làm việc tại Nhật, bà cũng bị Công ty U trừ tiền nhà ở, điện, nước, gas mỗi tháng 40.000 Yên, tổng cộng 480.000 Yên nhưng khi sự việc ông T được giải quyết ngày 31/7/2015 bà mới biết quyền lợi của mình bị vi phạm; tuy nhiên, do bà còn đang làm việc nên không khởi kiện Công ty E.

Với tư cách là Chủ tịch Công đoàn, Công ty E yêu cầu bà chứng kiến và cùng giải quyết thủ tục Công ty E trả số tiền 85.000.000đ, tương đương 480.000 Yên cho ông T và ông T phải làm đơn xin thôi việc vào ngày 31/7/2015 đúng như ông T trình bày.

Tại bản án sơ thẩm số: 09/2017/LĐ-ST ngày 18 tháng 4 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố B căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 229, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 62, điểm a khoản 1 Điều 201 và khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Lao động năm 2012, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc Công ty TNHH E phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị N số tiền 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng) chi phí đào tạo.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, về án phí và về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/5/2017, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên kháng cáo, đồng thời bổ sung đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012, thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Tòa án đưa Công ty U vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở vì giữa bà N và Công ty U không phát sinh quan hệ lao động. Công ty E là người trực tiếp ký hợp đồng và chịu tất cả các chi phí cho bà N, khi bà N làm việc tại Công ty U, quan hệ lao động giữa Công ty E và bà N vẫn chưa chấm dứt.

Về đánh giá chứng cứ: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ đầy đủ, khách quan. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

-Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi bỏ sót tư cách tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Công ty U), giải quyết vụ án không đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ không đầy đủ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Xét quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị N và bị đơn (Công ty E) đều không cung cấp được hợp đồng lao động về việc đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân tại Công ty U (tại Nhật); về phía người lao động bà N cũng không biết tiếng Nhật. Theo bà N, trên cơ sở Công ty E giải quyết chế độ đào tạo cho ông Nguyễn Hữu T (là công nhân Công ty E được đưa đi đào tạo như bà N) vào ngày 31/7/2015, bà N mới biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, nên ngày 16/10/2015 bà N khởi kiện Công ty E là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị N và bị đơn đều không cung cấp được hợp đồng lao động về việc đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân tại Công ty U. Theo đại diện theo ủy quyền của bị đơn, mọi chi phí gồm hộ chiếu, visa, vé máy bay khứ hồi, nhà ở, điện, nước, gas, tiền học phí, phí giao thông của bà N khi làm tại Nhật do Công ty U chi trả; nhưng theo lời khai của bà N, bà Nguyễn Kiều O và ông Nguyễn Hữu T (là những người được đưa đi đào tạo tại Nhật trước và sau bà N) đều xác định không được Công ty E giao hợp đồng, chỉ biết có thỏa thuận Công ty E chịu tất cả các chi phí cho người lao động khi sang đào tạo tại Nhật và khi làm việc tại Nhật, bà N (cũng như ông T và bà O) đều xác định Công ty U trực tiếp thanh toán, chi trả toàn bộ các khoản tiền (qua tài khoản bà N, ông T, bà O được lập khi sang Nhật làm việc) và hàng tháng Công ty U có giao cho người lao động các bảng lương để kiểm tra. Mặt khác, bà Nguyễn Thị A là đại diện theo ủy quyền của Công ty E đã cung cấp cho Tòa án 01 bản dịch tài liệu của Công ty U gửi cho Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa (trong vụ án khác có nội dung tranh chấp tương tự như trường hợp khởi kiện của bà N) với nội dung Công ty E không

liên quan trong việc chi trả kinh phí cho công nhân sang Nhật tu nghiệp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án trong khi chưa tiến hành làm việc, xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ về quan hệ, thỏa thuận hợp đồng giữa Công ty E và Công ty U trong việc đưa người lao động đi tu nghiệp nâng cao tay nghề tại Nhật, trong việc thanh toán các chi phí của người lao động để trên cơ sở đó xác định tư cách tổ tụng của Công ty U theo khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và xác định thẩm quyền giải quyết vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[3] Về xác định chứng cứ:

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các bảng lương của Công ty U (đều bằng tiếng nước ngoài không có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực) do bà N cung cấp để nhận định “*Theo bảng lương hàng tháng của bà N, ông T đều thể hiện các cột trừ điện, nước, gas là 40.000 Yên phù hợp giữa lời khai, chứng cứ do nguyên đơn, nhân chứng cung cấp và thừa nhận*” để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy tại phiên tòa phúc thẩm, các bảng lương đã được dịch sang tiếng Việt; tuy nhiên, các tài liệu này đều là bản phô tô, không có dấu mộc, từng khoản thanh toán, chi phí thể hiện trên bảng lương chưa được làm rõ. Do đó, việc thu thập, đánh giá chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo Điều 95, 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Từ những nhận định trên, do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị A là đại diện theo ủy quyền của Công ty E, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Về trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về thời hiệu khởi kiện phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị A là đại diện theo ủy quyền của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm nên Công ty E không phải chịu án phí lao động phúc thẩm, án phí lao động sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hủy Bản án lao động sơ thẩm số: 09/2017/LĐ-ST ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B xét xử vụ “tranh chấp chi phí đào tạo trong hợp đồng đào tạo nghề” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N với bị đơn Công ty

trách nhiệm hữu hạn E; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Hoàn trả Công ty trách nhiệm hữu hạn E số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí lao động phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 009285 ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)
Triệu Thị Huỳnh Hoa